

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC SÁCH CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH TÂM LÝ HỌC

○ ThS. CAO XUÂN LIỄU*

1. Đọc sách là một kĩ năng (KN) quan trọng hàng đầu của SV trong các trường đại học và cao đẳng, đồng thời, là công cụ để học tập các môn học, tạo ra hứng thú và động cơ học tập giúp sinh viên (SV) có khả năng tự học và tinh thần học tập suốt đời. Thực tế cho thấy, các trường đại học đã và đang quan tâm tới vấn đề rèn luyện các KN xã hội nói chung và KN học thuật nói riêng. Tuy nhiên, hiện nay SV nói chung thực sự chưa có nhiều KN cơ bản trong việc tiếp cận tri thức từ sách, giáo trình. Có nhiều lí do để lí giải hiện tượng này, một trong những nguyên nhân là SV chưa có KN làm việc độc lập hoặc bán độc lập với tài liệu đọc.

Trong xã hội tri thức hiện nay, nếu SV không có phương pháp và KN đọc sách, các em sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm hiểu, lĩnh hội tri thức và đặc biệt định hướng trong việc tích lũy, hệ thống hóa các tri thức chuyên ngành. Rèn luyện *kĩ năng đọc sách chuyên ngành* (KNĐSCN) giúp SV có được những KN cần thiết, dễ dàng tiếp cận, lĩnh hội tri thức chuyên ngành một cách khoa học và nhanh chóng hơn, nhờ đó, hiệu quả học tập không ngừng được nâng lên.

2. Thực trạng chung về tình hình đọc sách chuyên ngành của SV

1) *Thời điểm SV thường đọc sách chuyên ngành.* Đọc sách chuyên ngành trước hay sau thời điểm GV giảng dạy hay đọc thường xuyên trong suốt quá trình học có ảnh hưởng tới kết quả học tập của SV cũng như ảnh hưởng đến hứng thú và KN đọc sách của chính họ (xem bảng 1).

Bảng 1 cho thấy, có hơn 50% SV thường đọc sách chuyên ngành sau khi GV giảng bài ở lớp. Trong khi đó, chỉ có 22,5% SV có đọc trước nội dung bài giảng của GV; 13,3 % SV đọc trước và đọc lại sách chuyên ngành sau khi kết thúc bài học ở lớp. Một số SV cho rằng: sau khi nghe giảng bài ở trên lớp thì họ có

Bảng 1. Thời điểm SV thường đọc sách chuyên ngành

TT	Thời điểm đọc sách chuyên ngành	SL	%	Thứ bậc
1	Đọc trước trong sách về nội dung bài giảng của GV	27	22,5	2
2	Đọc sau khi GV giảng bài xong	64	53,3	1
3	Đọc trước và đọc lại sau khi GV giảng bài	16	13,3	3
4	Lúc nào có thời gian rảnh mới đọc, tùy theo hứng thú	13	10,8	4
5	Không bao giờ đọc, chỉ đọc bài giảng trên lớp của GV	0	0	5

kiến thức nền tảng và căn bản về môn học nên dễ dàng tiếp thu hơn khi tự đọc sách chuyên ngành; cũng như có kiến thức để so sánh giữa bài học ở lớp và tài liệu trong SGK. Số SV đọc sách chuyên ngành tùy theo hứng thú không nhiều (10,8%). Điều này cho thấy, phần lớn SV đều có đọc sách chuyên ngành tâm lí học, tuy nhiên thời điểm đọc khác nhau.

2) *Các hành động của SV khi đọc sách chuyên ngành.* Thứ tự các hành động diễn tiến khi bắt đầu tiếp xúc với tài liệu chuyên ngành rất quan trọng trong việc giúp SV định hướng và triển khai tiếp cận nội dung tài liệu.

Bảng 2. Các hành động khi đọc sách chuyên ngành

TT	Các hành động khi đọc sách chuyên ngành	SL	%	Thứ bậc
1	Đọc lời giới thiệu hoặc lời nói đầu của sách sau đó đọc nội dung chính	9	7,5	4
2	Đọc mục lục để tìm nội dung chính đọc	65	54,1	1
3	Tìm ngay nội dung chính để đọc	35	29,1	2
4	Đọc lời giới thiệu, mục lục và sau đó đọc nội dung chính của sách	11	9,1	3

Trong các hành động được đề cập, có trên 50% SV thường đọc mục lục; sau đó tìm ngay nội dung chính trong tài liệu để đọc, trong khi đó, chỉ có 9 SV (7,5%) đọc lời giới thiệu hoặc lời nói đầu; 11 SV (9,1%) đọc lời giới thiệu,

* Học viện Quản lí giáo dục

mục lục và sau đó mới đọc nội dung chính của tài liệu.

Chúng tôi cho rằng, khi bắt đầu tiếp cận với một tài liệu chuyên ngành, nhìn chung, SV chưa biết hành động để chiếm lĩnh tri thức. Điều này ảnh hưởng đến kết quả đọc sách chuyên ngành sau này. Bởi vì, nếu SV biết được quy trình thao tác với tài liệu (các thao tác bắt đầu, tiếp nối) SV sẽ dễ dàng nắm bắt được tổng thể tư tưởng mà tác giả tài liệu muốn hướng đến.

3) Những thao tác SV thường thực hiện khi đọc sách chuyên ngành

Bảng 3. Các thao tác SV thường thực hiện khi đọc sách

TT	Các thao tác SV thường thực hiện	SL	%	Thứ bậc
1	Lập đề cương sau khi đọc	4	3,3	7
2	Ghi chép đầy đủ lại tư liệu	5	4,1	6
3	Ghi lại ý chính	8	6,6	5
4	Không ghi lại mà chỉ đánh dấu vào tài liệu đọc	22	18,3	2
5	Chỉ ghi nhớ trong đầu	50	41,6	1
6	Ghi lại và có đưa ra ý kiến so sánh, đối chiếu với bài giảng của GV	3	2,5	8
7	Trả lời các câu hỏi cuối mỗi chương, phần	15	12,5	3
8	Đọc nhanh, đọc lướt, không ghi chép	13	10,8	4

Nhìn chung, trong quá trình làm việc với tài liệu, SV chủ yếu ghi nhớ trong đầu những tri thức họ lĩnh hội được (41,6%), chỉ có 3,3% SV «lập đề cương sau khi đọc»; 4,1% SV «biết ghi chép đầy đủ tài liệu» nhưng chỉ có 12,5% «biết vận dụng trả lời các câu hỏi cuối mỗi chương, phần». Điều này ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả đọc sách chuyên ngành, bởi, nếu chỉ ghi nhớ trong đầu mà không biết áp dụng các thủ thuật, thao tác phù hợp khác thì rất khó kết nối các tri thức thành hệ thống và khi cần tái hiện hay vận dụng sẽ gặp nhiều khó khăn. Điều này một phần xuất phát từ thói quen học tập thụ động ở phổ thông; do vậy, khi lên đại học, các em chưa có thói quen ghi chép lại những kiến thức trọng tâm, đưa ra ý kiến so sánh, đối chiếu hay phản biện...

2. Kết quả thử nghiệm biện pháp rèn luyện KNĐSCN cho SV khoa Giáo dục

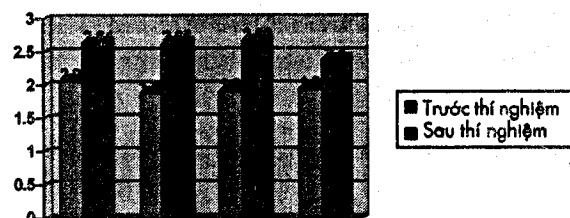
Từ thực trạng trên, năm 2012, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu và thử nghiệm biện pháp tác động sư phạm trên 120 SV năm thứ 2 ngành Tâm lý học giáo dục Khoa Giáo dục, Học viện Quản lý giáo dục. Đối với việc rèn luyện

KNĐSCN Tâm lý học cho SV khoa Giáo dục, chúng tôi thực hiện theo quy trình gồm 3 bước: 1) Giới thiệu, phổ biến các tri thức về KN, KN đọc sách để định hướng SV tham gia vào hoạt động đọc sách chuyên ngành; 2) Luyện tập, thực hiện các bài tập theo nội dung các phần kiến thức đã được giới thiệu; 3) Kiểm tra, đánh giá quá trình rèn luyện KNĐSCN. Sau thời gian nghiên cứu và sau 4 tháng thử nghiệm biện pháp rèn luyện KNĐSCN, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Kết quả khảo sát cho thấy, tài liệu để đo sau thử nghiệm là bài tập được thiết kế theo các đoạn (4 đoạn B1, B2, B3, B4) tương tự như tài liệu đo đầu vào nhưng khác về nội dung. Chúng tôi xây dựng 3 mức độ đo KNĐSCN là: 1) Đọc hoàn toàn đúng nội dung tài liệu; 2) Đúng một phần; 3) Sai nội dung tài liệu. Tương ứng với mỗi đoạn (item) chúng tôi gán cho các mức điểm như sau: *Đọc hoàn toàn đúng nội dung tài liệu*: 3 điểm; *Đọc đúng một phần nội dung tài liệu*: 2 điểm; *Đọc sai nội dung tài liệu*: 1 điểm.

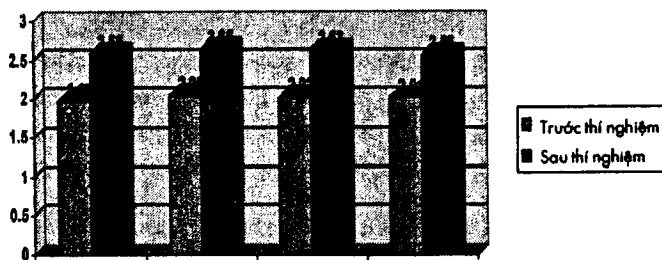
1) **KN xác định nội dung chính sau thử nghiệm biện pháp.** So với trước khi dùng biện pháp tác động (rèn luyện), KN xác định nội dung chính của tài liệu có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực. Số SV thực hiện đúng các bài tập chiếm đa số, vẫn còn một số SV không thực hiện được bài tập nhưng không nhiều. Kết quả này chứng tỏ biện pháp tác động là có hiệu quả tích cực và phù hợp.

2) **KN bổ sung, mở rộng phân tích sự kiện, hiện tượng nội dung tài liệu sau thử nghiệm biện pháp.** Biểu đồ 1 cho thấy, KN bổ sung,



Biểu đồ 1. So sánh KN bổ sung, mở rộng và phân tích sự kiện của mỗi đoạn trong tài liệu trước và sau thử nghiệm (so sánh ĐTB)

mở rộng và phân tích sự kiện của mỗi đoạn khi đọc sách chuyên ngành của SV khoa Giáo dục được thay đổi. Trước khi thử nghiệm biện pháp, $X_{A1} = 2,07$ nhưng sau thử nghiệm tăng lên



Biểu đồ 2. So sánh KN sơ đồ hóa và mô hình hóa của mỗi đoạn trong tài liệu trước và sau thử nghiệm (so sánh ĐTB)

$X_{B1} = 2,64$, tương tự $X_{B2} = 2,65$, $X_{B3} = 2,68$ và $X_{B4} = 2,4$. ĐTB tăng lên do số SV đạt ở mức thực hiện bài tập đo lường «đúng hoàn toàn» tương đối cao.

3) KN sơ đồ hóa, mô hình hóa nội dung tài liệu sau thử nghiệm biện pháp. Biểu đồ 2 phản ánh mức độ tăng trưởng đáng kể của KN sơ đồ hóa và mô hình hóa khi đọc sách chuyên ngành của SV. Đây là một trong những KN khó nhất của người đọc nếu người đọc không có nhiều vốn kiến thức chuyên ngành và các KN hỗ trợ khác. Tuy nhiên, sau thời gian thử nghiệm, KN này tăng lên đáng kể nhưng so với các KN đọc khác thì vẫn thấp hơn.

Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi nhận định rằng: KNĐSCN của SV khoa Giáo dục, Học viện Quản lý giáo dục chưa cao; do vậy, những biện pháp đề xuất nhằm nâng cao KNĐSCN cho SV là hoàn toàn phù hợp và có giá trị về mặt khoa học. □

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Thị Châu. *Kĩ năng đọc hiểu tiếng Anh của học sinh lớp 6*. Luận án tiến sĩ Tâm lý học, H. 1996.
2. Crucheski V.A. *Những cơ sở của tâm lý học sư phạm*. NXB Giáo dục, H. 1981.
3. Trần Hữu Luyến. *Những bình diện tâm lý ngôn ngữ học*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2010.
4. Smith H.P, Dechant Em V. *Psychology in teaching and reading*. Prentice Hall, Inc., Englewood cliffs, New Jersey, 1961.
5. Mc Farland T.L. *Getting ready for functional basic reading*. Stanwix house, Inc., Pittsburgh, Pennsylvania, 1963.

SUMMARY

Reading skill is very important for students in researching and looking for knowledge. According to the result of research, skill in reading psychology books of students of Educational Department of National Institute Educational Management is not high. The methods that are used in research to raise skills in reading psychology books are not only complete suitable for students but also valuable in science.

Khả năng ghi nhớ kiến thức...

(Tiếp theo trang 15)

cách thức, để nhớ; do vậy, HS vẫn chưa phát huy được tính tích cực và chủ động trong kể chuyện, học toán.

- Trong chương trình dạy học ở HS tiểu học hiện nay cần tăng cường bài tập để rèn luyện khả năng TN làm việc (TN liên quan đến vốn hiểu biết) khả năng tư duy của HS. Cụ thể, trong bài giảng GV nên sử dụng kết hợp công nghệ thông tin, đồ dùng dạy học trực quan... và tri thức truyền đạt cần nhắc nhiều lần để khắc sâu trong TN của HS. □

(1) N.X.Leytex. *Các khả năng trí tuệ và lứa tuổi*. NXB Giáo dục, H. 1971.

Tài liệu tham khảo

1. Lương Thị Thanh Hải. *Khối lượng ghi nhớ và ảnh hưởng của các tác động củng cố, giao thoa tài liệu ở học sinh lớp 1, 2 ở một số trường tiểu học Hà Nội*. Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, H. 2001.
2. Luria A.R. *Cơ sở tâm lý học thần kinh*. NXB Giáo dục, H. 2003.
3. Nguyễn Ngọc Thanh. "Về việc phát triển trí nhớ của học sinh cấp 2". Tạp chí *Nghiên cứu giáo dục*, tháng 8/1991, H. 1991.
4. Nguyễn Thị Ngọc Thanh. *Báo cáo tổng kết đề tài "Nghiên cứu khối lượng kiến thức môn học của học sinh đầu tiểu học"*. Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2012.
5. Weinert Franz Emanuel (chủ biên). *Sự phát triển nhận thức học tập và giảng dạy*. NXB Giáo dục, H. 1998.
6. Л.В.Черемошкина «Психология памяти» M 2009.

SUMMARY

Research results on the volume of knowledge in two math courses and Vietnamese show that retention of students in grades 1 (School of Khuona Thuona) depends on visual document images, the lessons that the visual images make them easier to remember than same logic iconic images. This suggests that, teachers need to use more modern teaching methods such as information technology, visual teaching aids... to be etched deeper knowledge.